**NỘI DUNG BÀI HỌC NGỮ VĂN 8 TUẦN 16**

Tiết 61: Hướng dẫn tự học

**ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU**

**I. Tổng kết về dấu câu**

**1. Dấu chấm:** Kết thúc câu tường thuật→ dấu chấm.

**2. Dấu chấm hỏi:** Kết thúc câu nghi vấn.→ 3.Kết thúc câu cảm thán hay câu cầu khiến→Dấu chấm than.

**3. Dấu phảy** : Ngăn cách các từ, cụm từ.

**4. Dấu chấm phảy**: ngăn cách các bộ phận của câu.

**5. Dấu chấm lửng:** Thay thế phần ý không diễn đạt thành lời.

**6. Dấu gạch ngang:** Tách biệt các thành phần biệt lập, hoặc báo hiệu lời độc thoại hay đối thoại.

**7. Dấu hai chấm:** Báo trước lời dẫn trực tiếp, lời đối thoại, phần giải thích, thuyết minh trước đó .

**8. Dấu ngoặc kép:** Đánh dấu lời dẫn trực tiếp, hoặc đánh dấu từ ngữ, mỉa mai,đặc biệt, dùng ghi tên tác phẩm...

**9. Dấu ngoặc đơn:** Tách biệt các thành phần biệt lập. Đánh dấu phần chú thích, giải thích, thuyết minh, bổ sung.

**II. Các lỗi thường gặp về dấu câu:**

**1. Thiếu dấu ngắt câu khi câu đã kết thúc:**

**a. Bài tập.**

**b. Nhận xét.**

- Thiếu dấu ngắt câu sau từ “xúc động”.

- Điền dấu chấm, viết hoa chữ “t”.

**2. Dùng dấu ngắt câu khi câu chưa kết thúc:**

**a. Bài tập.**

**b. Nhận xét.**

- Dùng dấu chấm như vậy là sai vì chưa hết câu .

- Sửa: dùng dấu phẩy thay cho dấu chấm, không viết hoa chữ “Ông”.

**3. Thiếu dấu thích hợp để tách các bộ phận của câu khi cần thiết:**

**a. Bài tập.**

**b. Nhận xét.**

- Thiếu dấu phẩy để ngăn cách các bộ phận đồng chức.

- Sửa: Cam, quýt, bưởi, xoài là đặc sản của vùng này.

**a. Bài tập. 4.** Lẫn lộn công dụng của các dấu câu:

**b. Nhận xét:**

- Câu 1 dùng dấu hỏi là sai vì đây không phải là câu hỏi.

- Câu 2 dùng dấu chấm là sai vì câu này là câu hỏi.

Sửa:

Quả thật, tôi không biết nên giải quyết vấn đề này như thế nào và bắt đầu từ đâu. Anh có thể cho tôi một lời khuyên được không?

\*Ghi nhớ (SGK)/ 151

**IV. Luyện tập:**

1. Bài 1 (152): Điền dấu câu thích hợp vào chỗ có dấu ngoặc đơn.

- Điền theo trình tự sau:

(;), (.), (.), (,), (:), (-), (!), (!) , (!), (!), (,), (,), (.), (,), (.), (,), (,), (,), (.), (,), (:), (-), (?), (?), (?), (!).

2. Bài 2 (152). Sửa lại dấu câu cho thích hợp:

a, Sao mãi giờ mới về? Mẹ ở nhà chờ mãi. Mẹ dặn là anh phải làm xong bài tập trong chiều nay.

b, Từ xưa trong cuộc sống lao động và sản xuất, nhân dân ta có truyền thống yêu thương nhau giúp đỡ lẫn nhau trong lúc khó khăn gian khổ.

......................................................................................................................................................

Tiết 62,63: **ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**I. Từ vựng**

**1. Trường từ vựng**: Là tập hợp của các từ ngữ có ít nhất một nột chung về nghĩa.

- Các từ ngữ trên được coi là là nằm trong 1 TTV, vì có nột chung về nghĩa là truyện dân gian.

- So sánh:

+ Giống: Đều có nét nghĩa chung

+ Khác: Cấp độ khái quát là nói về mối quan hệ bao hàm giữa các từ ngữ cùng từ loại.

Trường từ vựng: Chỉ cần có nét nghĩa chung, có thể khácc từ loại.

**2. Từ tượng hình, từ tượng thanh**

**- Từ tượng hình:** Là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ,trạng thái của sự vật

**- Từ tượng thanh:** Là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người

VD: - Mưa rơi lộp bộp trên mái tôn

 - Nó lom khom nhặt chiếc bút dưới đất.

**3. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội**

**- Từ ngữ địa phương:** là những từ ngữ chỉ được sử dụng ở một hoặc một số địa phương nhất định.

 VD: ngò gai, đậu phộng...

**- Biệt ngữ xó hội:** là những từ ngữ chỉ được sử dụng trong một tầng lớp xã hội nhất định

VD**:** Xơi trứng (điểm 0), xơi ngỗng (điểm 2)...

\* Lưu ý: Sử dụng phải phự hợp hoàn cảnh giao tiếp, Tránh lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xó hội vì nó gây khó hiểu cho người khác.

**4. Các bịên pháp tu từ từ vựng**

**- Nói quá:** Là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.

 VD: Tiếng đồn cha mẹ em hiền

 Cắn cơm không vỡ, cắn tiền vỡ đôi.

**- Nói giảm nói tránh:** Là một biện pháp tu từ dựng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.

VD: - Bác đó lên đường theo tổ tiên

 - Chàng ơi phụ thiếp làm chi .... đói lòng

**II. Ngữ pháp**

**1. Trợ từ:** là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến trong từ ngữ đó**.**

**2. Thán từ:** là những từ dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi đáp. Thán từ thường đứng ở đầu câu, có khi được tách ra thành một câu đặc biệt.

**3. Tình thái từ:** là những từ được thêm vào câu để tạo câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và để biểu thị các sắc thái tình cảm của người nói.

\* Trong các giao tiếp cần chú ý hoàn cảnh giao tiếp, quan hệ tuổi tác, thứ bậc....

HS lên bảng làm bài

a. Cuốn sách này chỉ 2000 đồng thôi **à** ?

b. **Dạ**, con nghe thấy rồi ạ !

**4. Câu ghép**: Là câu do hai hay nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành.

- Cách nối: Dùng từ có tác dụng nối

 Không dựng từ nối

- Quan hệ ý nghĩa giữa các vế: quan hệ nguyên nhân, điều kiện,. tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, tiếp nối, đồng thời, giải thích..... nhân, điều kiện,. tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, tiếp nối, đồng thời, giải thích.....

- Câu ghép: Pháp chạy, Nhật hàng ... thoái vị.

**II. Luyện tập**

**Bài 1**: **Tìm từ thuộc các trường từ vựng**:

- Trường từ vựng về phương tiện giao thông: tàu, xe, thuyền, máy bay.

- Trường từ vựng về vũ khí: Súng, gươm, tên lửa, lựu đạn.

- Các từ: gà, vịt, ngan ... chỉ gia cầm nói chung.

- Có thể xếp gà, vịt, trâu, bũ ... vào cùng một trường từ vựng động vật nói chung động vật bao gồm cả nhiều loài: gia súc, gia cầm...

**Bài 2: Viết đoạn văn**

**........................................................................................................................................**

Tiết 64:HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

**MUỐN LÀM THẰNG CUỘI**

**1. Tác giả:**

- Tản Đà (1889- 1939) tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu.

- Quê : Sơn Tây- Hà Nội.

- Thơ ông tràn đầy cảm xúc lãng mạn, đậm đà bản sắc dân tộc, có những tìm tòi và sáng tạo mới mẻ.

**2. Tác phẩm:**

- “Muốn làm thằng cuội” nằm trong “Khối tình con”- 1917.

- Thể thơ: thất ngôn bát cú đường luật

- Bố cục: Bài thơ có bố cục hai câu đề hai câu thực hai câu luận và hai câu kết.

**3. Nghệ thuật, nội dung: Ghi nhớ:** SGK/ 157